

Số: 61 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 24 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 24/7/2021 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường.

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy:

- Điểm trung bình lĩnh vực:

- | | |
|--|------|
| + Đảm bảo chất lượng về chiến lược: | 3,81 |
| + Đảm bảo chất lượng về hệ thống: | 3,91 |
| + Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: | 3,87 |
| + Kết quả hoạt động: | 3,67 |

- Không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình $\leq 2,0$

(chi tiết trong Phụ lục 1).



2. Kiến nghị Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng công nhận và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định hiện hành. 

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD

Chủ tịch



Trần Đình Quang

PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐKĐCLV ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Lĩnh vực 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,81
Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	4,00
Tiêu chuẩn 2: Quản trị	3,75
Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý	3,75
Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược	3,75
Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	3,75
Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực	3,71
Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	3,80
Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	4,00
Lĩnh vực 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3,91
Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	3,83
Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài	4,25
Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	3,75
Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng	3,80
Lĩnh vực 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3,87
Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học	4,00
Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	4,00
Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	3,80
Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học	3,75
Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	4,00
Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học	3,75
Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ	3,75
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	4,00
Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng	3,75
Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	3,67
Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo	4,00
Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học	3,67
Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng	3,50
Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường	3,50

PHỤ LỤC 2

Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục

đối với Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐKĐCLV ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020 cho thấy, Nhà trường đã có những điểm mạnh đáng ghi nhận sau:

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng chiến lược*, Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường được xác định rõ ràng theo với chức năng, nhiệm vụ và Chiến lược phát triển của Trường, được rà soát và điều chỉnh phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập; kế hoạch chiến lược, các kế hoạch ngắn hạn với các chỉ tiêu thực hiện cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động được xây dựng và triển khai gắn với Sứ mạng, Tầm nhìn và Mục tiêu phát triển; cơ cấu tổ chức của Trường phù hợp với quy định, được định kỳ rà soát, điều chỉnh phù hợp với thực tế; chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường được quy định rõ ràng; Nhà trường có hệ thống văn bản quản lý và hệ thống xây dựng chính sách, giám sát và cải tiến các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; công tác tổ chức-cán bộ với các quy định tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật cùng với các chế độ chính sách rõ ràng; hoạt động đối ngoại được quan tâm, mạng lưới đối tác của Nhà trường từng bước mở rộng;

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về hệ thống*, Nhà trường có đơn vị đầu mối về công tác bảo đảm chất lượng; phát triển mạng lưới bảo đảm chất lượng đến từng đơn vị/bộ phận trong Trường; có Kế hoạch chiến lược cùng hệ thống văn bản và các bộ chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả công tác bảo đảm chất lượng; đã chú trọng hoạt động tự đánh giá; đã ứng dụng công nghệ thông tin trong lưu trữ, quản lý và truyền tải thông tin bảo đảm chất lượng bên trong; cơ sở dữ liệu về hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng bên trong được phân tích và sử dụng để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng; các quy định về lựa chọn đối tác, quy trình lựa chọn, sử dụng thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng được xây dựng và triển khai;

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng*, công tác tuyển sinh và nhập học hằng năm được giám sát và đánh giá; các chương trình đào tạo được xây dựng và phát triển đúng quy định; việc đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá được chú trọng; kết quả đánh giá người học được quản lý, lưu trữ và giám sát; người học được quan tâm, hỗ trợ trong học tập và tìm kiếm việc làm; các hoạt động khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ, kết nối và phục vụ cộng đồng được xác lập, thực hiện và rà

soát hàng năm.

+ Đối với lĩnh vực *Kết quả hoạt động*, các chỉ số về chất lượng người học và cựu người học của Trường được xác lập; loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến; hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng bước đầu có đóng góp cho xã hội; các chỉ số tài chính và chỉ số thị trường được xác lập, triển khai và điều chỉnh hằng năm phù hợp với mục tiêu phát triển và điều kiện thực tế của Nhà trường.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm cần cải tiến, nâng cao chất lượng (*chi tiết được nêu trong Báo cáo Đánh giá ngoài*). Hội đồng kiến nghị Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến liên tục chất lượng giáo dục theo các nhóm giải pháp trong các lĩnh vực sau:

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về chiến lược*

1. Cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh Tầm nhìn, Sứ mạng phù hợp với xu thế phát triển kinh tế-xã hội tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0; cần xây dựng những giải pháp triển khai đồng bộ, khả thi để truyền tải được yêu cầu của Sứ mạng, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi vào trong các hoạt động của Nhà trường; trong quá trình rà soát và điều chỉnh, cần có sự tham gia đầy đủ, hiệu quả của các bên liên quan;

2. Hệ thống văn bản của Nhà trường cần được rà soát, điều chỉnh kịp thời, chú ý cập nhật những nội dung về quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của Nhà trường; cần phân biệt chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản trị với chức năng, nhiệm vụ của hệ thống lãnh đạo, quản lý; cần đảm bảo các nghị quyết/quyết định/kết luận của hệ thống quản trị được chuyển tải thành các chính sách, kế hoạch hành động cụ thể, có chú ý đến các nguồn lực, điều kiện, thời gian thực hiện và các giải pháp hạn chế rủi ro trong các hoạt động của Nhà trường.

3. Cần rà soát và cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý đồng bộ nhằm tăng hiệu quả công tác; cần đổi mới hoạt động kết nối, tăng cường sự tham gia của các bên liên quan vào các hoạt động của Nhà trường; cần có giải pháp nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên; thực hiện việc quy hoạch đội ngũ và bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý theo quy định; cần có chiến lược thúc đẩy tiến trình đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của Nhà trường;

4. Cần ban hành đầy đủ các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn cụ thể hóa kế hoạch chiến lược theo từng lĩnh vực hoạt động; cần có kế hoạch đánh giá thường xuyên về kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính, tham khảo ý kiến đầy đủ các bên liên quan để có căn cứ điều chỉnh Chiến lược phát triển giai đoạn tiếp theo;

5. Cần rà soát tổng thể hệ thống văn bản, các quy định và quy trình giám sát hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng nhằm đáp ứng tốt yêu cầu trong các lĩnh vực hoạt động, chú trọng những nội dung cốt lõi trong các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa

học và phục vụ cộng đồng; cần định kỳ phân tích kết quả thực hiện các chính sách đã ban hành để đánh giá hiệu quả, tác động của các chính sách đó đến sự phát triển của Nhà trường, đo lường được lợi ích và sự đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

6. Cần rà soát tổng thể quy định tuyển dụng, sử dụng lao động và nhu cầu nguồn nhân lực, để xây dựng và thực hiện quy hoạch đồng bộ, chú ý tính phù hợp đối với các chức danh nghề nghiệp; cần xây dựng quy trình và tiêu chí cụ thể để đánh giá năng lực cũng như mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với từng loại đối tượng lao động; cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên; cần xây dựng các chính sách và giải pháp đột phá, có tính khả thi để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu thực hiện Sứ mạng, Tầm nhìn của Nhà trường;

7. Cần xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn về công tác tài chính cùng các giải pháp cụ thể để thực hiện Chiến lược phát triển; cần xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả của hoạt động tài chính ở tất cả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; cần nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị công nghệ thông tin, từng bước ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động của Nhà trường;

8. Cần xây dựng và thực hiện các kế hoạch phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được Tầm nhìn, Sứ mạng và các mục tiêu phát triển của Nhà trường; cần ban hành các chính sách thúc đẩy và phát triển quan hệ hợp tác, khuyến khích các đơn vị, cá nhân chủ động tham gia; cần xác định rõ các tiêu chí lựa chọn đối tác/đối tác chiến lược phù hợp để phát triển; cần định kỳ đánh giá chính xác, khách quan hiệu quả của các mối quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác trong từng lĩnh vực hoạt động và có giải pháp cải tiến cụ thể;

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về hệ thống*

9. Cần cử cán bộ chuyên trách, có kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng bên trong; cần hoàn thiện các chính sách, quy định, công cụ, hướng dẫn về công tác bảo đảm chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong; cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung, mục tiêu, các chỉ số thực hiện, chỉ tiêu phấn đấu, mức độ ưu tiên của kế hoạch chiến lược về bảo đảm chất lượng phù hợp với Chiến lược phát triển Trường; các kế hoạch đảm bảo chất lượng (trung hạn, hằng năm) cần được cụ thể hóa bằng các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu cho từng lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng và định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả;

10. Cần rà soát các lĩnh vực công tác, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng tổng thể, có ưu tiên cho các hoạt động được (tự) đánh giá ở mức thấp; cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc cải tiến chất lượng sau khi kết thúc công tác đánh giá ngoài cơ sở giáo dục; cần xây dựng kế hoạch kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo của Nhà trường; cần có giải pháp để các bên liên quan được tham gia hiệu quả trong xây dựng và

thực hiện các hoạt động tự đánh giá và chuẩn bị đánh giá ngoài;

11. Cần định kỳ thực hiện rà soát đồng bộ hệ thống quản lý thông tin bảo đảm chất lượng bên trong; cần có quy hoạch tổng thể việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đảm bảo được tính toàn diện, thống nhất, bảo mật an toàn nhằm hỗ trợ kịp thời, hiệu quả trong công việc; cần chú trọng khảo sát ý kiến và sử dụng phản hồi của các bên liên quan để cải tiến hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; tính hiệu quả cải tiến cần được phân tích, đánh giá đầy đủ và sử dụng để hỗ trợ các hoạt động của Trường;

12. Cần xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng theo từng lĩnh vực hoạt động, có chỉ tiêu phấn đấu cụ thể; cần định kỳ/thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng kết việc cải tiến, nâng cao chất lượng tại mỗi đơn vị/lĩnh vực; cần rà soát, điều chỉnh các tiêu chí và quy trình lựa chọn đối tác, thông tin so chuẩn và đối sánh, chú ý tham chiếu các cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo trong và ngoài nước tương thích với Nhà trường; cần chú trọng xây dựng các kế hoạch và giải pháp khuyến khích các đơn vị/cá nhân đổi mới, sáng tạo trong các hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường;

+ Đối với lĩnh vực *Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng*

13. Cần đa dạng hóa các phương án tuyển sinh phù hợp với thực tiễn, tăng cường truyền thông để hỗ trợ hiệu quả công tác tuyển sinh; cần phân tích và đánh giá nhu cầu xã hội, cần đánh giá số lượng và chất lượng sinh viên nhập học, tăng cường lấy ý kiến của các bên liên quan để có những điều chỉnh trong chiến lược, chính sách và phương thức tuyển sinh phù hợp với từng ngành nghề đào tạo; cần tăng cường quảng bá tuyển sinh gắn với các hoạt động ngày hội việc làm, sáng tạo, khởi nghiệp... để thu hút người học, có chú ý đến sinh viên quốc tế;

14. Cần rà soát hệ thống thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định và phê duyệt chuẩn đầu ra và các chương trình đào tạo của Nhà trường; trong xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, cần chú trọng đối sánh các chương trình đào tạo tương ứng của các cơ sở giáo dục đại học tiên tiến, cần có các giải pháp hữu hiệu huy động sự tham gia đầy đủ, hiệu quả của các bên liên quan;

15. Cần có kế hoạch triển khai đồng bộ triết lý giáo dục của Nhà trường trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; cần tăng cường đầu tư về chương trình đào tạo, trang thiết bị dạy học hiện đại, chú trọng gắn kết đào tạo với thực tiễn và doanh nghiệp; cần quan tâm đầu tư xây dựng môi trường học tập trực tuyến; cần chú trọng đổi mới các hoạt động dạy-học, kiểm tra, đánh giá nhằm đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực nghề nghiệp của người học; cần tăng cường lấy ý kiến của người học và cựu người học và sử dụng các ý kiến phản hồi nhằm cải tiến liên tục các điều kiện đảm bảo chất lượng của Nhà trường;

16. Cần rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện văn bản quy định/hướng dẫn chi tiết về công tác kiểm tra, đánh giá, về lựa chọn các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá người học; cần đa dạng hóa các phương thức kiểm tra, đánh giá người học, đảm

bảo đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra; cần tăng cường giám sát hoạt động kiểm tra, đánh giá, chú trọng phân tích dữ liệu kết quả kiểm tra đánh giá, đồng thời định kỳ khảo sát ý kiến các bên liên quan để có cơ sở điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, các hoạt động dạy-học, kiểm tra đánh giá và hỗ trợ người học;

17. Cần sớm hoàn thiện và thực hiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ; các đơn vị chức năng trong Trường cần xây dựng kế hoạch hỗ trợ và phối hợp hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập, chú trọng hoạt động khởi nghiệp, tăng cường các hoạt động chuyên môn, nâng cao chất lượng thực hành, thực tập nghề nghiệp; cần xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học để đối sánh và cải tiến;

18. Cần định kỳ rà soát, điều chỉnh các chiến lược, cập nhật các văn bản tổ chức, quản lý của Trường về hoạt động khoa học công nghệ; cần có cơ chế, chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, gia tăng loại hình, số lượng và chất lượng hoạt động khoa học công nghệ trong cán bộ, giảng viên và người học; cần tăng cường kết nối với các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; cần tăng cường tìm kiếm nguồn kinh phí hỗ trợ nghiên cứu, đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào sản xuất;

19. Cần xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản liên quan đến công tác quản lý và bảo hộ tài sản trí tuệ; cần đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến về công tác sở hữu trí tuệ, chú trọng hỗ trợ cán bộ, giảng viên và người học thực hiện đúng Luật Sở hữu trí tuệ và bảo hộ quyền tác giả; cần sớm đầu tư đưa vào sử dụng các công cụ hỗ trợ công tác quản lý khoa học (phần mềm quản lý hoạt động khoa học công nghệ, phần mềm chống đạo văn...); cần có chiến lược gia tăng số lượng và chất lượng sản phẩm trí tuệ trên các lĩnh vực có thế mạnh và tiềm năng của Trường;

20. Cần đầu tư xây dựng các chính sách đối ngoại, chiến lược hợp tác quốc tế với các chỉ số thực hiện phù hợp; cần tích cực tìm kiếm đối tác, phát triển mạng lưới hợp tác nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước; cần xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách và giải pháp gia tăng số lượng chương trình liên kết đào tạo và hợp tác, khuyến khích cán bộ, giảng viên chủ động trao đổi học thuật và tìm kiếm đối tác; cần hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh để tăng cường công bố khoa học, thúc đẩy nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; cần định kỳ đánh giá hiệu quả hợp tác để có các chính sách, giải pháp gia tăng đối tác và hợp tác nghiên cứu phù hợp;

21. Cần xây dựng chi tiết và rà soát, cập nhật, điều chỉnh các chỉ số, chỉ báo đo lường kết quả và tác động của hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ kết nối và phục vụ cộng đồng; nên tăng cường đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học có kết quả hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng tốt; cần sử dụng các chỉ số đo lường phản hồi từ các bên liên quan để định kỳ rà soát, đánh giá và cải tiến; cần xây dựng cơ sở dữ liệu về các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng;



+ Đối với lĩnh vực *Kết quả hoạt động*

22. Cần phân tích và đối sánh các chỉ số về người học và người học tốt nghiệp giữa các năm học để cải tiến hoạt động hỗ trợ người học, nâng cao tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp sớm và đúng hạn, gia tăng tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp; cần có giải pháp nâng cao chất lượng thông tin thu thập, phản hồi để đánh giá đúng về chất lượng người học tốt nghiệp; cần chú trọng thực hiện đối sánh để cải tiến chất lượng từng ngành đào tạo của Trường;

23. Cần rà soát tổng thể các quy định về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học để điều chỉnh phù hợp; cần có quy định, hướng dẫn cụ thể về phân bổ kinh phí để gia tăng số lượng và chất lượng các loại hoạt động nghiên cứu, chú ý sử dụng kinh phí cho nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và người học đúng quy định; cần có cơ chế, chính sách và giải pháp thúc đẩy công bố khoa học, chú trọng công bố quốc tế; cần khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, giảng viên đăng ký bản quyền tài sản trí tuệ; cần xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, hỗ trợ người học tham gia các câu lạc bộ chuyên môn, khởi nghiệp sáng tạo; cần quan tâm hoạt động thương mại hóa, chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực nghiên cứu thế mạnh Trường;

24. Cần hoàn thiện hệ thống văn bản quy định cụ thể hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, chú ý những chính sách khuyến khích cán bộ, giảng viên và người học tham gia hiệu quả các hoạt động; cần chú trọng gia tăng số lượng và chất lượng các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng gắn kết với quảng bá hình ảnh, xây dựng thương hiệu Nhà trường; nên xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực và hoạt động phục vụ cộng đồng của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học; cần xây dựng hệ thống dữ liệu về kết quả và tác động xã hội của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Nhà trường;

25. Cần thực hiện việc (tự) đối sánh các chỉ số tài chính qua các năm để có những điều chỉnh phù hợp; cần có quy định cụ thể về thị trường giáo dục của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; cần hoàn thiện các quy trình, phương pháp, công cụ... thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan để xây dựng hệ thống dữ liệu về chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của Nhà trường; cần có kế hoạch tham gia các bảng xếp hạng trong nước, khu vực cũng như quốc tế.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 01/2024), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.
